

# Chương VIII

## NHỮNG HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN

### TIẾT 100

## Bài 32. ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG THẲNG (Tiết 1)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được các khái niệm, quan hệ cơ bản giữa điểm và đường thẳng: Điểm thuộc và không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: HS biết tự đánh giá và tự điều chỉnh được kế hoạch học tập; tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót.
- Năng lực giao tiếp toán học: HS trình bày được tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. Diễn đạt được (bằng ngôn ngữ, kí hiệu) các khái niệm, quan hệ cơ bản: Điểm, đường thẳng, sử dụng đúng các kí hiệu  $\in$ ;  $\notin$ .
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: HS sử dụng thước thẳng hoặc phương tiện phù hợp vẽ được đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.

#### 3. Phẩm chất

- Rèn luyện thói quen tìm tòi, quan sát và khám phá kiến thức mới.
- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu, sưu tầm những hình ảnh thực tế, minh hoạ các quan hệ giữa điểm và đường thẳng từ tranh ảnh, sách báo, mạng Internet. Phiếu học tập. Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, compa, ê ke.

**2. Chuẩn bị của HS:** Bộ đồ dùng học tập, giấy trắng khổ A4 (để vẽ hình).

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: NÊU VẤN ĐỀ (3 phút)

a) **Mục tiêu:** Tạo cho HS sự tò mò, mong muốn khám phá xem giữa điểm và đường thẳng có những quan hệ gì?

b) **Nội dung:** Khái niệm điểm, đường thẳng qua các hình ảnh thực tế, quen thuộc.

c) **Sản phẩm:** Nhận biết về hình ảnh điểm, đường thẳng.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu hình ảnh đường thẳng, điểm (SGK tr.43) và một số hình ảnh thực tế, GV nhắc lại khái niệm điểm, đường thẳng.	HS quan sát.
Đặt vấn đề: Đối với những điểm và đường thẳng tùy ý, mối quan hệ giữa chúng là như thế nào?	HS nghe, suy nghĩ.

## Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

### 1. ĐIỂM THUỘC, KHÔNG THUỘC ĐƯỜNG THẲNG

#### 1.1. ĐIỂM THUỘC ĐƯỜNG THẲNG

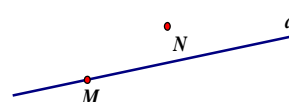
a) **Mục tiêu:** HS nhận biết một điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng bằng trực quan, sử dụng đúng kí hiệu  $\in$ ;  $\notin$ , cách diễn đạt. Sử dụng thước thẳng vẽ được đường thẳng, điểm thuộc, không thuộc đường thẳng.

b) **Nội dung:** Phân Đọc hiểu – Nghe hiểu.

Vẽ hình theo diễn đạt: Vẽ đường thẳng  $m$ , vẽ điểm I, H thuộc đường thẳng  $m$ , điểm P, Q không thuộc  $m$ .

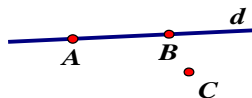
c) **Sản phẩm:**

– Phân Đọc hiểu – Nghe hiểu: HS quan sát, xác định được M thuộc đường thẳng  $d$  kí hiệu là:  $M \in d$ ; N không thuộc đường thẳng  $d$  kí hiệu là:  $N \notin d$ .

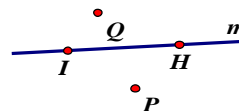


Hình 8.1

– Hình 8.2:  $A \in d$ ;  $B \in d$ ;  $C \notin d$ .

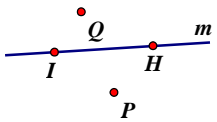


Vẽ hình theo diễn đạt:



d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu hình ảnh quả bóng nằm trên vạch vôi, mô tả hình ảnh điểm thuộc đường thẳng.	HS quan sát.

<p>– Phân Đọc hiểu – Nghe hiểu: GV hướng dẫn HS vẽ đường thẳng <math>d</math>, vẽ điểm M thuộc <math>d</math>, điểm N không thuộc <math>d</math>.</p> <p>Hướng dẫn sử dụng kí hiệu <math>\in; \notin</math>, cách diễn đạt điểm thuộc đường thẳng (đường thẳng đi qua điểm).</p> <p>– Cho HS quan sát Hình 8.2, trả lời.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá.</p> <p>Chú ý HS có thể sai lầm: Điểm C nằm bên dưới đường thẳng <math>d</math>, điểm A, B nằm bên trên đường thẳng <math>d</math>).</p> <p>– Chiều nội dung bài tập vẽ hình theo diễn đạt.</p> <p>Mời 1 HS lên bảng vẽ, HS dưới lớp thực hiện cá nhân.</p> <p>Cho HS sử dụng kí hiệu <math>\in; \notin</math> mô tả quan hệ giữa điểm và đường thẳng.</p> <p>Cho HS kiểm tra vở chéo nhau, báo cáo kết quả.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, chấm điểm thường xuyên.</p>	<p>HS vẽ hình, nghe hiểu, ghi chép.</p> <p>HS quan sát đứng tại chỗ trả lời.</p> <p>HS lớp nhận xét.</p> <p>HS thực hiện theo yêu cầu.</p> <p>1 HS lên bảng thực hiện.</p> <p><math>I \in m, H \in m;</math> <math>P \notin m; Q \notin m.</math></p>  <p>HS dưới lớp kiểm tra chéo nhau, báo cáo nhận xét.</p>
--	--

## 1.2. Đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết và vẽ được hình minh họa cho kiến thức có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.

b) **Nội dung: hoạt động:** Tìm tòi – Khám phá, Hộp kiến thức, Bài tập [?] (SGK tr.44).

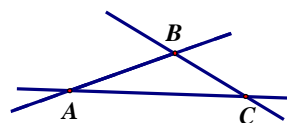
c) **Sản phẩm:**

– HS thực hiện HĐ1.

– Hộp kiến thức: Có một đường thẳng và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.

– Chú ý: Có thể đặt tên đường thẳng bằng hai chữ cái thường như đường thẳng  $xy$ .

– Bài tập [?]: Có 3 đường thẳng là AB, AC, BC.



**d) Tổ chức thực hiện:**

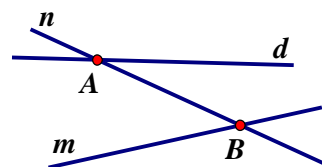
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu nội dung HĐ1, yêu cầu HS đọc và thực hiện cá nhân. GV nhận xét, vẽ hình, giảng giải và rút ra Hộp kiến thức. Chú ý cho HS hai điểm A, B phân biệt là như thế nào. – Vẽ hình và giới thiệu cách đặt tên khác của đường thẳng là dùng hai chữ cái in thường (chú ý SGK).	HS thực hiện trên giấy A4. HS báo cáo kết quả. HS quan sát, nghe hiểu, ghi vở. Nghe hiểu, vẽ hình.
– Cho HS làm Bài tập [?]. Yêu cầu HS hoàn thành cá nhân. Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	HS thực hiện cá nhân: Vẽ hình, trả lời câu hỏi. 1 HS lên trình bày. HS dưới lớp nhận xét.
Đặt thêm các câu hỏi: Điểm A thuộc đường thẳng nào? Không thuộc đường thẳng nào? Hỏi tương tự với điểm B, C.	HS quan sát trả lời.

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)**

a) **Mục tiêu:** Sử dụng đúng kí hiệu  $\in; \notin$  để mô tả điểm thuộc, không thuộc đường thẳng. Vẽ được hình theo diễn đạt.

b) **Nội dung:** Phiếu học tập ghi bài tập:

– Bài 1: a) Dùng kí hiệu và diễn đạt trả lời câu hỏi:  
 Điểm A thuộc đường thẳng nào và không thuộc đường thẳng nào?



.....

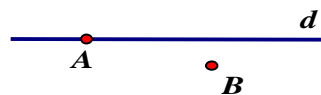
b) Kể tên khác của đường thẳng AB: .....

– Bài 2: Vẽ hình thể hiện các quan hệ sau: Đường thẳng d và hai điểm A, B sao cho:  $A \in d; B \notin d$ .

c) **Sản phẩm:**

– Bài 1:  $A \in d; A \in n; A \notin m$ .

– Bài 2:



**d) Tổ chức thực hiện:**

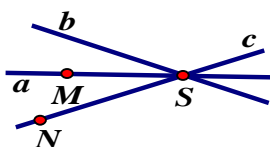
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Phát phiếu học tập, cho HS thực hiện cá nhân.	HS thực hiện cá nhân.
Thu phiếu, chụp ảnh chiếu một vài bài, cho HS nhận xét, chấm điểm thường xuyên.	Quan sát, nhận xét, chia sẻ bài làm của bạn.

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

a) **Mục tiêu:** HS vẽ được hình qua diễn đạt.

b) **Nội dung:** Vẽ ba đường thẳng a, b, c cùng đi qua điểm S. Lấy điểm  $M \in a$ ;  $N \in c$ .

c) **Sản phẩm:**



**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chiếu nội dung bài tập. Yêu cầu HS thực hiện cá nhân.	HS vẽ hình theo yêu cầu.
GV trợ giúp nếu cần.	1 HS lên thực hiện trên bảng: Vẽ điểm S, vẽ ba đường thẳng a, b, c qua S.
Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	Kiểm tra vở chéo nhau và báo cáo.
Chú ý cho HS: Điểm thuộc đường thẳng, đường thẳng đi qua điểm là như nhau.	

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)**

- Ôn lại hộp kiến thức.
- Bài tập 8.1 (SGK tr.46).
- Đọc trước phần 2. *Ba điểm thẳng hàng.*

## Bài 32. ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG THẲNG (Tiết 2)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tích cực, tự giác học tập, khám phá và sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp toán học: Trình bày được bằng lời nói, vẽ được hình về quan hệ: Ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. Tự tin tranh luận.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết và giải thích được vấn đề toán học trong thực tế liên quan kiến thức ba điểm thẳng (kẻ vạch vôi ở sân vận động).
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp để vẽ hình theo yêu cầu.

#### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

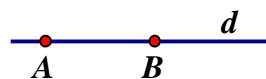
### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu (các hình ảnh hàng cây thẳng hàng, sân vận động), phiếu học tập. Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, compa, ê ke.
- Chuẩn bị của HS:** Bộ đồ dùng học tập, bút laze kiểm tra sự thẳng hàng.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: NÊU VẤN ĐỀ (3 phút)

- Mục tiêu:** HS nhớ lại qua hai điểm phân biệt có một và chỉ một đường thẳng đi qua. Tạo cho HS sự tò mò, mong muốn khám phá xem khi nào có một đường thẳng đi qua ba điểm phân biệt.
- Nội dung:** Hãy vẽ điểm A, B phân biệt và vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A, B? Có mấy đường thẳng qua A, B?
- Sản phẩm:** Có một và chỉ một đường thẳng  $d$  đi qua hai điểm A, B phân biệt cho trước.



**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu đề bài cho HS thực hiện.  Nhận xét, kết luận.  Nêu vấn đề: Qua hai điểm phân biệt ta luôn vẽ được một đường thẳng đi qua. Vậy khi nào có thể vẽ được một đường thẳng đi qua 3 điểm phân biệt cho trước? ⇒ Bài mới.	HS thực hiện trong vở nháp, 1 HS lên bảng thực hiện.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (15 phút)**

**2. Ba điểm thẳng hàng**

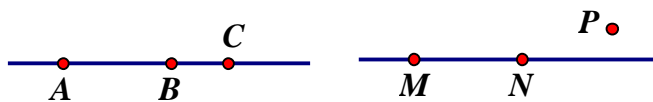
a) **Mục tiêu:** HS nhận biết được ba điểm thẳng hàng. Sử dụng dụng cụ để vẽ 3 điểm thẳng hàng hoặc kiểm tra được 3 điểm cho trước có thẳng hàng hay không?

b) **Nội dung:** Tìm tòi – Khám phá; Đọc hiểu – Nghe hiểu, Hộp kiến thức, Bài tập ? (SGK tr.45).

c) **Sản phẩm:**

– HĐ2: Ánh sáng từ ngọn nến truyền đến mắt người theo đường thẳng, khi mắt người nhìn thấy ngọn nến thì ở giữa mắt và ngọn nến không có vật nào cản trở, do vậy các lỗ hồng phải cùng nằm trên đường thẳng.

– Hộp kiến thức: Ba điểm thẳng hàng là ba điểm cùng nằm trên một đường thẳng.



Ba điểm A, B, C thẳng hàng, ba điểm M, N, P không thẳng hàng.

Bài tập: Hình 8.7. Bộ ba điểm thẳng hàng là: A, B, C và D, B, E.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu Hình 8.5 (SGK) cho HS quan sát và trả lời HĐ2.  Gọi ý: Ánh sáng từ ngọn nến truyền đến mắt theo đường thẳng, mắt người có thể nhìn thấy ngọn nến khi không có vật cản ở giữa.  Nêu các lỗ hồng cùng nằm trên một đường thẳng.	HS quan sát, trả lời.       HS nghe hiểu.

<p>– Cho HS thực hiện Đọc hiểu – Nghe hiểu và trình bày. GV vẽ Hình 8.6 yêu cầu HS diễn đạt bằng lời. GV giảng giải, rút ra Hộp kiến thức.</p> <p>– Chiếu Hình 8.7, yêu cầu HS kể tên bộ ba điểm thẳng hàng. Nhận xét, đánh giá. Chú ý: Các điểm cùng nằm trên một đường thẳng thì thẳng hàng.</p>	<p>HS đọc. Trình bày những hiểu biết của mình, vẽ hình, ghi vở.</p> <p>HS quan sát, trả lời tại chỗ. HS lớp nhận xét.</p>
<p>– Yêu cầu HS nêu cách vẽ 3 điểm thẳng hàng, 3 điểm không thẳng hàng. Cho HS lên bảng vẽ. Chú ý: Cách vẽ ba điểm thẳng hàng: Vẽ một đường thẳng, lấy ba điểm cùng thuộc đường thẳng đó hoặc vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt cho trước, lấy thêm một điểm thuộc đường thẳng đó.</p>	<p>HS nêu cách vẽ và thực hiện. HS nghe hiểu, nêu cách vẽ 3 điểm không thẳng hàng.</p>

### Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (20 phút)

a) **Mục tiêu:** HS kiểm tra được ba điểm cho trước có thẳng hàng hay không, vẽ được ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.

b) **Nội dung:** Luyện tập 1; Bài tập 8.2, 8.4 (SGK tr.47).

c) **Sản phẩm:**

– Luyện tập 1:

a) ba điểm A, B, C không thẳng hàng;

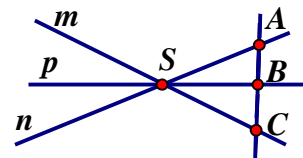
b) Ba điểm M, N, P thẳng hàng.

– Bài tập 8.2:

a) Có một bộ ba điểm thẳng hàng là A, B, C;

b) Bộ ba điểm không thẳng hàng: A, B, S hoặc A, S, C;

c) Bốn điểm A, B, C, S không thẳng hàng.

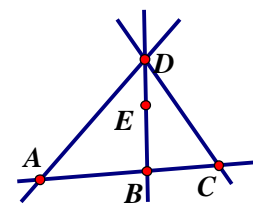


– Bài tập 8.4 (phiếu học tập):

1) D nằm trên 3 trong 4 đường thẳng;

2) Ba điểm A, B, C thẳng hàng;

3) Ba điểm B, D, E thẳng hàng.





**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu nội dung Luyện tập 1, yêu cầu HS thực hiện cá nhân.</p> <p>Nhận xét, đánh giá.</p> <p>Cho HS sử dụng bút laze kiểm tra 3 điểm thẳng hàng (chú ý sử dụng bút laze an toàn).</p> <p>– Chiếu Bài tập 8.2 trên bảng, cho HS thực hiện cá nhân. GV hỗ trợ nếu cần.</p> <p>Cho 1 HS lên bảng, HS dưới lớp kiểm tra vở chéo nhau.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá.</p> <p>Chú ý sai lầm: Ba điểm m, S,C hoặc n, S, A thẳng hàng.</p> <p>– Phát phiếu học tập, cho HS thực hiện trên phiếu.</p> <p>Đưa bảng phụ hình vẽ, cho 1 HS lên bảng thực hiện. GV thu phiếu và HS lấy điểm thường xuyên.</p> <p>Nhận xét, đánh giá. Chốt lại cách kiểm tra 3 điểm thẳng hàng, không thẳng hàng.</p>	<p>HS sử dụng thước kiểm tra trực tiếp trong Hình 8.8 (SGK). Báo cáo kết quả. HS lớp nhận xét, chia sẻ.</p> <p>HS đọc, thực hiện cá nhân: vẽ hình vào vở và trình bày.</p> <p>1 HS lên bảng trình bày, HS dưới lớp thực hiện đối vở kiểm tra chéo nhau.</p> <p>HS báo cáo, nhận xét.</p> <p>HS thực hiện cá nhân hoàn thành.</p> <p>1 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>HS dưới lớp nhận xét, chia sẻ.</p>

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức ba điểm thẳng hàng giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:** Vận dụng (SGK tr.46): Trên sân vận động, người ta căng một sợi dây qua hai cái cọc được đóng ở hai vị trí đã chọn rồi dựa vào sợi dây đã căng để vẽ một vạch vôi. Em hãy giải thích tại sao người ta lại làm như vậy?

**c) Sản phẩm:** Đề có thể vẽ được một đường thẳng nối hai cọc với nhau.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>GV chiếu nội dung Vận dụng (thêm hình ảnh sân vận động) cho HS đọc, trao đổi cặp đôi và trả lời.</p> <p>Nhận xét, đánh giá.</p>	<p>HS trao đổi theo cặp đôi.</p> <p>HS trả lời, nhận xét.</p>

Mở rộng: Để kiểm tra 3 điểm tùy ý trên mặt đất có thẳng hàng hay không ta làm như thế nào? Nhận xét, chốt kiến thức về 3 điểm thẳng hàng.	HS trả lời (dùng dây kéo căng qua 3 điểm,...).
--	--

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập nội dung Hộp kiến thức.
- Bài tập 8.1; 8.3 (SGK tr.47), 8.8 (SBT/42).
- Đọc trước phần 3. *Hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.*

## TIẾT 102

### Bài 32. ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG THẲNG (Tiết 3)

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được các khái niệm, quan hệ cơ bản giữa hai đường thẳng: song song, cắt nhau, trùng nhau.

##### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp toán học: Diễn đạt và sử dụng đúng kí hiệu “//”.
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp để vẽ, kiểm tra hai đường thẳng song song, cắt nhau
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Quan sát hình phát hiện mối quan hệ giữa hai đường thẳng. Đề xuất giải pháp để giải quyết các vấn đề toán học.

##### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu, sưu tầm những hình ảnh thực tế, minh họa các quan hệ giữa hai đường thẳng từ tranh ảnh, sách báo, mạng Internet. Phiếu học tập. Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, compa, ê ke.

**2. Chuẩn bị của HS:** Bộ đồ dùng học tập.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: NÊU VẤN ĐỀ (3 phút)

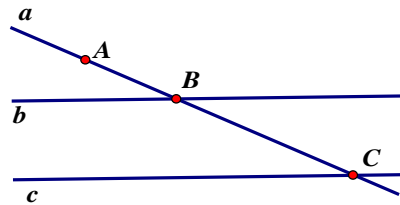
a) **Mục tiêu:** Tạo cho HS sự tò mò, mong muốn khám phá xem giữa hai đường thẳng phân biệt có thể có bao nhiêu điểm chung?

b) **Nội dung:**

Cho hình vẽ.

Em hãy chỉ ra số điểm chung của các cặp đường thẳng:

- a và b;
- a và c;
- b và c.



c) **Sản phẩm:**

- a và b có 1 điểm chung;
- a và c có 1 điểm chung;
- b và c không có điểm chung nào.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu nội dung và hình vẽ, yêu cầu HS trả lời. Như vậy cho 2 đường thẳng phân biệt có thể có bao nhiêu điểm chung? $\Rightarrow$ Bài mới.	HS quan sát, trả lời. Chỉ ra hai đường thẳng phân biệt có 1 điểm chung hoặc không có điểm chung nào.

#### Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20 phút)

### 3. Hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau

a) **Mục tiêu:** Nhận biết được số điểm chung có thể có của hai đường thẳng. Vẽ được đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau. Sử dụng kí hiệu “//”. Tìm được hình ảnh của hai đường thẳng cắt nhau hay song song trong đời sống.

b) **Nội dung:** Tìm tòi – Khám phá, Đọc hiểu – Nghe hiểu, Bài tập ? (SGK tr.46).

c) **Sản phẩm:**

- HĐ3: a) Hai thanh ray đường tàu nếu coi là hình ảnh của hai đường thẳng thì chúng không có điểm chung.
- b) Hai con đường cắt nhau ở giao lộ nếu coi là hình ảnh hai đường thẳng thì chúng có một điểm chung.

– HĐ4: Hai đường thẳng phân biệt không thể có hai điểm chung. Vì nếu chúng có hai điểm chung thì chúng là hai đường thẳng cùng đi qua hai điểm phân biệt, mà chỉ có duy nhất một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu HĐ3 lần lượt cho HS tìm hiểu số điểm chung của hai đường thẳng phân biệt.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá.</p> <p>Chú ý cho HS: hai thanh ray, hai con đường là hình ảnh thực tế về hai đường thẳng phân biệt.</p> <p>– Cho HS trả lời HĐ4.</p> <p>Chú ý rằng: Có một và chỉ một đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt.</p> <p>– Cho HS tự đọc và tìm hiểu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu (SGK).</p> <p>GV yêu cầu HS trình bày lại những kiến thức em đã tìm hiểu được.</p> <p>GV giảng giải kết hợp với vẽ hình từng trường hợp cho HS về ba vị trí tương đối của hai đường thẳng.</p> <p>Chuyển từ ngôn ngữ hình ảnh sang ngôn ngữ nói, viết (sử dụng kí hiệu “//”, khái niệm <i>giao điểm</i>).</p> <p>GV hướng dẫn HS sử dụng thước thẳng, ê ke vẽ hai đường thẳng song song:</p> <p>+ Vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm A, B.</p> <p>+ Vẽ đường thẳng phụ đi qua A (hoặc B) và vuông góc với đường thẳng AB.</p> <p>+ Vẽ đường thẳng CD vuông góc với đường thẳng phụ. Ta được AB//CD.</p> <p>– Cho HS trả lời Bài tập [?].</p> <p>Lấy ví dụ về hình ảnh của hai đường thẳng cắt nhau hay song song trong đời sống.</p>	<p>HS quan sát Hình 8.9a; 8.9b và trả lời. HS lớp nhận xét, chia sẻ.</p> <p>Suy nghĩ và trả lời HĐ4.</p> <p>HS đọc phần Đọc hiểu – Nghe hiểu (SGK).</p> <p>HS trình bày, chia sẻ.</p> <p>HS quan sát, nghe hiểu, ghi chép.</p> <p>HS quan sát, thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>HS lấy ví dụ hai đường thẳng cắt nhau: hai cạnh chiếc bàn,...</p> <p>Hai đường thẳng song song: Các vạch kẻ đường,...</p>

### Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (15 phút)

a) **Mục tiêu:** Vẽ được các đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt bằng thước thẳng hoặc ê ke. Nhận biết được giao điểm của các đường thẳng cắt nhau.

b) **Nội dung:** Bài tập Luyện tập 2, Bài tập 8.5 (SGK tr.47). Gấp giấy tạo hình ảnh hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau.

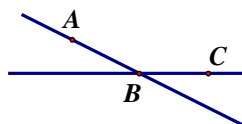
c) **Sản phẩm:**

– Luyện tập 2:

a) Đường thẳng AB, BC.

b) Hai đường thẳng cắt nhau là AB và BC.

Giao điểm là điểm B.



– Bài tập 8.5: Các cặp đường thẳng song song là :  $AB//DE$ ;  $BC//EF$ .

HS dùng tờ giấy gấp tạo hình ảnh hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Luyện tập 2:</p> <p>GV vẽ mẫu trên bảng và yêu cầu HS làm theo.</p> <p>Yêu cầu các em HS kiểm tra bài của nhau.</p>	<p>HS thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>HS kiểm tra vở chéo nhau và báo cáo.</p>
<p>– Chiếu nội dung Bài tập 8.5 lên bảng, yêu cầu HS quan sát và trả lời.</p> <p>Nhận xét, đánh giá.</p> <p>Chú ý: Đường thẳng <math>AB//DE</math> ta còn có thể nói <math>AF//DE</math>,...</p>	<p>HS quan sát hình vẽ, chỉ ra các cặp đường thẳng song song. HS lớp nhận xét, chia sẻ.</p>
<p>– Cho HS đọc chia sẻ của Pi.</p> <p>– Cho HS thi gấp giấy tạo cặp đường thẳng song song, cắt nhau.</p> <p>Nhận xét việc thực hiện của HS.</p> <p>Động viên, khuyến khích HS thực hiện tốt.</p>	<p>1 HS đọc chia sẻ của Pi cho cả lớp nghe.</p> <p>HS thực hiện.</p> <p>HS báo cáo sản phẩm.</p>

#### Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

- a) **Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức để lập luận về quan hệ thẳng hàng của ba điểm, quan hệ cắt nhau và quan hệ song song của hai đường thẳng.
- b) **Nội dung:** Thử thách nhỏ: Cho một đường thẳng  $d$  và hai điểm phân biệt  $A, B$  không thuộc  $d$ . Tìm điểm  $C$  thuộc  $d$  sao cho  $A, B, C$  thẳng hàng. Khi nào không thể tìm được điểm  $C$  như vậy?
- c) **Sản phẩm:** Vì hai điểm  $A, B$  phân biệt nên có thể vẽ được đường thẳng  $d'$  đi qua hai điểm đó. Nếu  $d'$  cắt  $d$  thì giao điểm là điểm  $C$  cần tìm. Nếu  $d'$  song song với  $d$  thì không thể tìm được điểm  $C$  thoả mãn yêu cầu.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chiếu nội dung bài tập, cho HS thực hiện theo cặp đôi. GV trợ giúp hoặc giảng giải cho HS tự trình bày. GV nhận xét, chốt lại kiến thức trong bài: Số điểm chung của hai đường thẳng phân biệt.	HS thảo luận. HS báo cáo, chia sẻ.  HS nghe hiểu.

#### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn lại kiến thức toàn bài.
- Bài tập 8.11; 8.13; 8.14 (SBT tr.43).
- Đọc trước Bài 33. *Điểm nằm giữa hai điểm. Tia.*